TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2018
V/v "Hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Bà Dương Thị Thúy Duy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 592/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017,Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị Hồng N**, sinh năm 1985; Cư trú: Số 259/4, Khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1986; Cư trú: Tổ 26, ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà N và ông Đ đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Đỗ Thị Hồng N; trình bày của ông Lê Văn Đ cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quan hệ hôn nhân của bà N và ông Lê Văn Đ do tìm hiểu yêu thương được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PH, huyện A, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2012.

Về nguyên nhân xin ly hôn, bà N trình bày: Sau khi kết hôn vài năm thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Cụ thể, ông Đ hay ăn nhậu, thường đi sớm về muộn, không chu cấp tiền bạc, thiếu quan tâm chăm lo gia đình và có một vài lần dùng bạo lực với bà N. Bà N và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không sửa đổi. Hiện hai người đã ly thân. Xét tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin được ly hôn với ông Đ.

Ông Đ xác định lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân; mâu thuẫn gia đình là

đúng, tuy nhiên do tính chất công việc và quan hệ bạn bè nên ông thường về muộn. Đồng thời, trong lúc nóng nảy, ông có đập đồ và đánh bà N. Tuy nhiên, do còn thương vợ, con, ông Đ xin hàn gắn.

Bà N cương quyết xin được ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 06 tháng 09 năm 2012 hiện đang sống với bà N. Bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu L và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ thống nhất cho bà N tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về chứng cứ: Bà N cung cấp, giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; trích lục kết hôn; giấy khai sinh cháu Lê Thị Ngọc L. Theo yêu cầu của bà N, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng được nuôi con sau ly hôn của bà Đỗ Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã hai lần triệu tập tiến hành hòa giải, công khai tài liệu, chứng cứ và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa, bà N và ông Đ có yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên tiến hành xét xử không qua thủ tục hòa giải là phù hợp quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ hôn nhân của bà N, ông Đ có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã PH. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà N yêu cầu xin được ly hôn, ông Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã PH, huyện A, tỉnh An Giang, nên yêu cầu xin ly hôn của bà N được Tòa án thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về tình cảm: Cả bà N và ông Đ đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do ông Đ thường đi sớm về muộn, thiếu quan tâm chăm lo gia đình, thường có rượu cự cải và có hành vi bạo lực. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông Đ không sửa đổi. Qua xác minh cho thấy, bà N và ông Đ thường hay cự cải và hai người đã ly thân từ nhiều tháng trước. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N với ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 06/9/2012 hiện đang sống với bà N. Tại phiên tòa, bà N và ông Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con sau ly hôn. Theo thỏa thuận, bà N được nuôi dạy cháu L sau ly hôn

và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Thỏa thuận này là phù hợp quy định của luật hôn nhân và gia đình, nên được công nhận.

Tuy nhiên, bà N cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hồng N được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Về con chung: Bà N được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 06 tháng 09 năm 2012.

Công nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Đậy cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Hồng N phải chịu ***300.000 đồng*** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010877 ngày 17/10/2017. (Bà N đã nộp đủ).

Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Lê Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/01/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- Các đương sự (2);
- HSVA;
- Lưu văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Văn Sáu